

Số: 41.../2024/DRH/GT-TGDTP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2024

V/v: giải trình chênh lệch từ 10% trở lên LNST của BCTC riêng từ quý 4 năm 2021 đến quý 2 năm 2023 so với cùng kỳ năm trước; giải trình chênh lệch từ 5% LNST BCTC hợp nhất 2022 trước và sau kiểm toán, chênh lệch 5% LNST sau soát xét BCTC riêng bán niên 2023.

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán nhà nước;****Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Tên công ty: Công ty Cổ phần DRH Holdings
- Mã chứng khoán: DRH
- Địa chỉ: 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM
- Điện thoại: (028) 38223771 Fax: (028) 38223727

Căn cứ theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần DRH Holdings (“Công ty”) xin được giải trình trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của báo cáo tài chính riêng từ quý 4 năm 2021 đến quý 2 năm 2023 thay đổi 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước như sau:

**1. BCTC riêng Quý 4 năm 2021**

| Chỉ tiêu                                 | Quý 4 năm 2021  | Quý 4 năm 2020   | Chênh lệch    | % tăng/giảm |
|--|-----------------|------------------|---------------|-------------|
|  | VND             | VND              | VND           |             |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (6.953.323.376) | (10.577.456.677) | 3.624.133.301 | -34,26%     |

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty tại báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2021 giảm 34,26% so với cùng kỳ là do: chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 72,36% (giảm 6,8 tỷ đồng) so với cùng kỳ.

**2. BCTC riêng năm 2021**

| Chỉ tiêu                                 | Năm 2021         | Năm 2020         | Chênh lệch      | % tăng/giảm |
|--|------------------|------------------|-----------------|-------------|
|  | VND              | VND              | VND             |             |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (26.548.455.161) | (20.110.645.708) | (6.437.809.453) | 32,01%      |

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty tại báo cáo tài chính riêng năm 2021 tăng 32,01% so với cùng kỳ là do: chi phí tài chính tăng 103,97% (tăng 27,67 tỷ đồng) và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 69,2% (giảm 17,54 tỷ) so với cùng kỳ.



### 3. BCTC riêng Quý 1 năm 2022

| Chỉ tiêu                                 | Quý 1 năm 2022  | Quý 1 năm 2021  | Chênh lệch    | % tăng/giảm |
|--|-----------------|-----------------|---------------|-------------|
|  | VND             | VND             | VND           |             |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (3.080.456.558) | (5.639.482.669) | 2.559.026.111 | -45,38%     |

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty tại báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2022 giảm 45,38% so với cùng kỳ là do: doanh thu hoạt động tài chính tăng 1.276% (tăng 13,6 tỷ đồng) so với cùng kỳ.

### 4. BCTC riêng Quý 2 năm 2022

| Chỉ tiêu                                 | Quý 2 năm 2022   | Quý 2 năm 2021  | Chênh lệch       | % tăng/giảm |
|--|------------------|-----------------|------------------|-------------|
|  | VND              | VND             | VND              |             |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (17.267.300.238) | (4.965.765.280) | (12.301.534.958) | 247,73%     |

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty tại báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2022 tăng 247,73% so với cùng kỳ là do: chi phí tài chính tăng 100,31% (tăng 18,7 tỷ đồng) so với cùng kỳ.

### 5. BCTC riêng Quý 3 năm 2022

| Chỉ tiêu                                 | Quý 3 năm 2022  | Quý 3 năm 2021  | Chênh lệch    | % tăng/giảm |
|--|-----------------|-----------------|---------------|-------------|
|  | VND             | VND             | VND           |             |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (8.674.439.323) | (8.490.133.836) | (184.305.487) | 2,17%       |

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty tại báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2022 tăng 2,17% so với cùng kỳ là do: chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 342,54% (tăng 3,6 tỷ đồng) và chi phí tài chính tăng 202,67% (tăng 17,6 tỷ đồng) so với cùng kỳ.

### 6. BCTC riêng Quý 4 năm 2022

| Chỉ tiêu                                 | Quý 4 năm 2022   | Quý 4 năm 2021  | Chênh lệch      | % tăng/giảm |
|--|------------------|-----------------|-----------------|-------------|
|  | VND              | VND             | VND             |             |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (15.032.489.578) | (6.953.323.376) | (8.079.166.202) | 116,19%     |

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty tại báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2022 tăng 116,19% so với cùng kỳ là do: chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 125,64% (tăng 3,3 tỷ đồng) và chi phí tài chính tăng 37,24% (tăng 7,7 tỷ đồng) so với cùng kỳ.

## 7. BCTC riêng bán niên năm 2022

| Chỉ tiêu                                 | Bán niên năm 2022 | Bán niên năm 2021 | Chênh lệch      | % tăng/giảm |
|--|-------------------|-------------------|-----------------|-------------|
|  | VND               | VND               | VND             |             |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (20.347.756.796)  | (11.104.997.949)  | (9.242.758.847) | 83,23%      |

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty tại báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2022 tăng 83,23% so với cùng kỳ là do: chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 95,99% (tăng 3,9 tỷ đồng) và chi phí tài chính tăng 101,17% (tăng 25 tỷ đồng) so với cùng kỳ.

## 8. BCTC riêng năm 2022

| Chỉ tiêu                                 | Năm 2022         | Năm 2021         | Chênh lệch       | % tăng/giảm |
|--|------------------|------------------|------------------|-------------|
|  | VND              | VND              | VND              |             |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (48.089.182.969) | (26.548.455.161) | (21.540.727.808) | 81,14%      |

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty tại báo cáo tài chính riêng năm 2022 tăng 81,14% so với cùng kỳ là do: chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 139,46% (tăng 10,89 tỷ đồng) và chi phí tài chính tăng 106,96% (tăng 58 tỷ đồng) so với cùng kỳ.

## 9. BCTC riêng Quý 1 năm 2023

| Chỉ tiêu                                 | Quý 1 năm 2023   | Quý 1 năm 2022  | Chênh lệch      | % tăng/giảm |
|--|------------------|-----------------|-----------------|-------------|
|  | VND              | VND             | VND             |             |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (11.360.372.172) | (3.080.456.558) | (8.279.915.614) | 268,79%     |

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty tại báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2023 tăng 268,79% so với cùng kỳ là do: doanh thu hoạt động tài chính giảm 50,96% (tăng 7,5 tỷ đồng) so với cùng kỳ.

## 10. BCTC riêng Quý 2 năm 2023

| Chỉ tiêu                                 | Quý 2 năm 2023   | Quý 2 năm 2022   | Chênh lệch       | % tăng/giảm |
|--|------------------|------------------|------------------|-------------|
|  | VND              | VND              | VND              |             |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (49.210.762.900) | (17.267.300.238) | (31.943.462.662) | 184,99%     |

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty tại báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2023 tăng 184,99% so với cùng kỳ là do: chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 87,46% (tăng 2,3 tỷ đồng) và chi phí tài chính tăng 38,89% (tăng 14,5 tỷ đồng) so với cùng kỳ.

### 11. BCTC riêng bán niên năm 2023

| Chỉ tiêu                                 | Bán niên năm 2023 | Bán niên năm 2022 | Chênh lệch       | % tăng/giảm |
|--|-------------------|-------------------|------------------|-------------|
|  | VND               | VND               | VND              |             |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (57.285.755.149)  | (20.347.756.796)  | (36.937.998.353) | 181,53%     |

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty tại báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2023 tăng 181,53% so với cùng kỳ là do: doanh thu hoạt động tài chính giảm 60,07% (giảm 22,43 tỷ đồng) và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 38,67% (tăng 3,1 tỷ đồng) so với cùng kỳ.

### 12. Giải trình chênh lệch 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trước và sau soát xét BCTC riêng bán niên năm 2023 như sau:

| Chỉ tiêu                                 | Bán niên 2023 sau soát xét | Bán niên 2023 trước soát xét | Chênh lệch    | % tăng/giảm |
|--|----------------------------|------------------------------|---------------|-------------|
|  | VND                        | VND                          | VND           |             |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (57.285.755.149)           | (60.571.135.072)             | 3.285.379.923 | -5,42%      |

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty tại báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2023 của kiểm toán giảm 5,42% là do điều chỉnh giảm chi phí lãi vay.

### 13. Giải trình chênh lệch 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trước và sau kiểm toán trên BCTC hợp nhất năm 2022 như sau:

| Chỉ tiêu                                 | Năm 2022 sau kiểm toán | Năm 2022 trước kiểm toán | Chênh lệch    | % tăng/giảm |
|--|------------------------|--------------------------|---------------|-------------|
|  | VND                    | VND                      | VND           |             |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 691.147.938            | 885.621.362              | (194.473.424) | -21,96%     |

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty tại báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của kiểm toán giảm 21,96% là do điều chỉnh tăng chi phí lãi vay.

Bằng công văn này Công ty kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về việc chênh lệch từ 10% trở lên lợi nhuận sau thuế trong báo cáo tài chính riêng từ quý 4 năm 2021 đến quý 2 năm 2023 so với cùng kỳ; giải trình chênh lệch 5% lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán trên BCTC hợp nhất năm 2022, soát xét BCTC riêng bán niên năm 2023.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, UBKT, Ban TGD;
- Lưu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGÔ ĐỨC SƠN**

